

Số: /BC-TTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 15 tháng 02 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026)

## I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

### 1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 25 - 27<sup>0</sup>C

Cao nhất: 29 - 31<sup>0</sup>C

Thấp nhất: 15 - 22<sup>0</sup>C

Độ ẩm trung bình: 80 - 82%

Cao nhất: 88 - 93%

Thấp nhất: 65 - 70%

Tổng lượng mưa: 41 mm

Tổng số giờ nắng: 165 giờ

Nhận xét: Trong kỳ, khu vực tỉnh Gia Lai ngày nắng nhẹ, đêm và sáng có lúc có mưa vài nơi. Gió Đông Bắc cấp 2 - 3.

### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

TT	Cây trồng/vụ	Giai đoạn sinh trưởng	DT gieo trồng (ha)	DT thu hoạch (ha)
<b>I</b>	<b>Cây lương thực</b>		<b>79.456</b>	
1	Cây lúa (Đông Xuân)	Đòng trổ - Chắc xanh	73.674	
2	Cây ngô (vụ Đông Xuân)	9 lá - Phun râu	5.782	
<b>II</b>	<b>Cây tinh bột có củ</b>		<b>17.945</b>	
1	Cây sắn (vụ Đông Xuân)	Cây con	15.531	
2	Cây khoai lang (vụ Đông Xuân)	Cây con	2.414	
<b>III</b>	<b>Cây thực phẩm</b>		<b>24.544</b>	
1	Rau các loại (vụ Đông Xuân)	Nhiều giai đoạn	19.653	
2	Đậu các loại (vụ Đông Xuân)	Ra hoa - Trái non	4.891	
<b>IV</b>	<b>Cây công nghiệp ngắn ngày</b>		<b>57.283</b>	<b>258</b>
1	Cây mía (cả năm)	Chín - Thu hoạch	47.729	258
2	Cây lạc (vụ Đông Xuân)	Phân cành - Đâm tia	9.554	
<b>V</b>	<b>Cây hàng năm khác (vụ Đông Xuân)</b>	<b>Cây con</b>	<b>3.142</b>	
<b>VI</b>	<b>Cây công nghiệp dài ngày</b>		<b>253.460</b>	

1	Cây cà phê	Ra hoa	107.945	
2	Cây cao su	Ra lá tập trung	85.917	
3	Cây điều	Ra hoa - Thu hoạch	41.232	
4	Cây dứa	Các giai đoạn	9.447	
5	Cây tiêu	Nuôi trái - Vào chắc	8.601	
6	Cây chè	Các giai đoạn	318	
<b>VII</b>	<b>Cây ăn quả</b>		<b>34.816</b>	
1	Cây sầu riêng	Chăm sóc - Ra hoa	8.131	
2	Cây chanh dây	Các giai đoạn	6.221	
3	Cây chuối	Các giai đoạn	7.276	
4	Các loại cây ăn quả khác	Các giai đoạn	14.743	

**3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai:** Trong kỳ, không có diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai.

## II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Cây lúa</b>					
1	Chuột	5	10	15	Nhiều lúa tuổi	Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hrung...
2	Bệnh đạo ôn lá	5	10	-	C1-3	Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Phù Cát, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Bình Định, An Nhơn, Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...

3	Rầy nâu, rầy lưng trắng	500	1.000	3.000	Trưởng thành, trứng	An Nhơn Bắc, An Nhơn Đông, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước, Bình Định, An Nhơn Nam, Tuy Phước Bắc, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, An Lão, An Hòa, Pờ Tó, Ia Tul...
4	Bệnh khô vằn	10	20	-	C1-3	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh...
<b>II Cây rau</b>						
1	Sâu xanh	5	10	-	Nhiều lứa tuổi	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ...
2	Sâu tơ	10	20	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh đốm lá	15	30	-	C1-3	An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ...
4	Bệnh thán thư	6	10	-	C1-3	An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
5	Bệnh sương mai	5	10	-	C1-3	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
<b>III Cây cà phê</b>						
1	Rệp sáp	12,5	25	-	C1-2	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
2	Mọt đục cành	12,5	25	-	C1	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
3	Bệnh gỉ sắt	15	30	-	C3-5	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...
4	Bệnh khô cành	12,5	25	30	C1-2	Ia Hrun, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly...
<b>IV Cây hồ tiêu</b>						
1	Tuyến trùng	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra...
2	Bệnh chết chậm	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra, ...

3	Bệnh đốm đen lá	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Ia Bông, Mang Yang, Lơ Pang...
<b>V Cây điều</b>						
1	Sâu đục thân, cành	5	10	15	C1	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	5	10	15	C1-2	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,...
3	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái...
<b>VI Cây sầu riêng</b>						
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	2,5	5	10	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
<b>VII Cây chanh dây</b>						
1	Bệnh virus hại lá, quả	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boông, Bàu Cạn...
2	Bệnh đốm nâu	7,5	15	-	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boông, Bàu Cạn...

## 2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I Cây lúa</b>								
1	Chuột	97,5	4,5	0	0	103	42	Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hưng...
2	Bệnh đạo ôn lá	50	2	0	0	52	34	Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Phù Cát, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Bình Định, An Nhơn,

								Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...
3	Rầy nâu, rầy lưng trắng	29,5	7	1,5	0	38	9	An Nhơn Bắc, An Nhơn Đông, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước, Bình Định, An Nhơn Nam, Tuy Phước Bắc, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, An Lão, An Hòa, Pờ Tó, Ia Tul...
4	Bệnh khô vằn	75	25	0	0	100	31	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh...
<b>II Cây rau</b>								
1	Sâu xanh	61,5	0	0	0	61,5	24	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ...
2	Sâu tơ	32,5	0	0	0	32,5	15	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh đốm lá	17	0	0	0	17	15	An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ...
4	Bệnh thán thư	43,5	0	0	0	43,5	30	An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
5	Bệnh sương mai	26,5	0	0	0	26,5	12	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
<b>III Cây cà phê</b>								
1	Rệp sáp	347	0	0	0	347	101	Ia Hưng, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
2	Mọt đục	341				341	187	Kon Gang, Đak Somei,

	cành		0	0	0			Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
3	Bệnh gỉ sắt	741	0	0	0	741	412	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...
4	Bệnh khô cành	529	25	0	0	554	300	Ia Hrun, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly...
<b>IV Cây hồ tiêu</b>								
1	Tuyến trùng	393	32,5	0	0	425,5	292	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	320	26,5	0	0	346,5	232	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	83	0	0	0	83	26	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang...
<b>V Cây điều</b>								
1	Sâu đục thân, cành	461	83	0	0	544	354	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Đok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	171	15,5	0	0	186,5	59	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	365	0	0	0	365	260	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Đok, Ia Krái...
<b>VI Cây sầu riêng</b>								
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	165	0	0	0	165	150	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	67	12	0	0	79	70	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
<b>VII Cây chanh dây</b>								
1	Bệnh virus hại lá, quả	50	0	0	0	50	42	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...
2	Bệnh đốm nâu	52	0	0	0	52	42	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...

\* **Thống kê diện tích nhiễm trong các đợt dịch:** Trong tuần, không có dịch.

### 3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

#### 3.1. Trên cây lúa

- Bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại rải rác trên lúa giai đoạn đòng - trổ. Tỷ lệ bệnh cục bộ 5 - 10%, DTN 52 ha, chủ yếu ở các xã, phường: Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Phù Cát, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Bình Định, An Nhơn, Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul. . .

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Phát sinh gây hại cục bộ lúa giai đoạn đòng trổ - ngâm sữa, mật độ 500 - 1.000 con/m<sup>2</sup>, cục bộ ổ rầy 3.000 con/m<sup>2</sup>, DTN 38 ha ở các xã, phường An Nhơn Bắc, An Nhơn Đông, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước, Bình Định, An Nhơn Nam, Tuy Phước Bắc, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, An Lão, An Hòa, Pờ Tó, Ia Tul. . . Phát dục rầy tập trung pha trứng - tuổi 1.

Ngoài ra, chuột gây hại cục bộ trên diện tích cũ; sâu cuốn lá, bệnh khô vằn. . . phát sinh gây hại rải rác ở các xã, phường.

#### 3.2. Trên cây rau

- Sâu xanh gây hại rau họ thập tự 61,5 ha (mật độ cục bộ 5 - 10 con/m<sup>2</sup>), phân bố trên địa bàn các xã, phường: Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ. . .

- Sâu tơ gây hại rau họ hoa thập tự, mật độ cục bộ 10 con/m<sup>2</sup>, cao 20 con/m<sup>2</sup>, DTN 32,5 ha (nhe), phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất. . .

- Bệnh đốm lá gây hại rau họ thập tự 17 ha (TL 15 - 30%), giảm 19 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ. . .

- Bệnh thán thư phát sinh gây hại trên họ cà (ót) 43,5 ha tỷ lệ (TL 6 - 10%), giảm 2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện. . .

- Bệnh sương mai phát sinh gây hại trên họ bầu, bí 26,5 ha tỷ lệ (TL 5 - 10%), giảm 8,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku. . .

Ngoài ra, ruồi đục lá, héo xanh vi khuẩn, bệnh đốm lá phát sinh gây hại cục bộ.

#### 3.3. Trên cây cà phê

- Rệp sáp gây hại 347 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), tập trung ở các xã Ia Hrug, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín. . .

- Một đục cành gây hại 341 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), giảm 63 ha so với kỳ trước, cà phê giai đoạn ra hoa ở các xã: Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh. . .

- Bệnh gỉ sắt gây hại 741 ha (TL cục bộ 15 - 30%), ở các xã: Ia Hrug, Ia Bãng, Đak Doa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí. . .

- Bệnh khô cành gây hại 554 ha (TL 12,5 - 25%, cục bộ 30%), giảm 107 ha so với kỳ trước, ở các xã: Ia Hrug, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Bãng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí. . .

#### 3.4. Trên cây hồ tiêu

- Tuyến trùng gây hại 425,5 ha (TL 5 - 10%, cục bộ 15%), phân bố trên địa bàn các xã:

Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra...

- Bệnh vàng lá chết chậm gây hại 346,5 ha (TLB 5 - 10%, cục bộ 15%), giảm 8,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...

Ngoài ra, rệp sáp, bệnh đốm đen lá, bệnh thán thư gây hại rải rác trên tiêu giai đoạn quả non - chắc hạt ở xã: Mang Yang, Kon Gang, Ia Băng, Lơ Pang, Hra...

### **3.5. Trên cây điều**

- Sâu đục thân, cành (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 544 ha (nhiễm nhẹ 461 ha, trung bình 83 ha), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O,...

- Bọ xít muỗi hại lá (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 186,5 ha (nhiễm nhẹ 171 ha, trung bình 15,5 ha), giảm 1 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...

- Bệnh thán thư tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10%, DTN 365 ha (nhiễm nhẹ), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái...

### **3.8. Trên cây ăn quả**

- Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá chết ngọn gây hại 165 ha (nhẹ), bệnh thối rễ, thán thư lá... gây hại cục bộ trên địa bàn các xã: Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...

- Cây chanh dây: Bệnh virus, đốm nâu gây hại trái cục bộ trên diện tích cũ ở xã Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...

## **III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

### **1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông phát sinh gây hại cục bộ trên các trà lúa từ trở - chắc xanh, nhất là các ruộng lúa đã nhiễm bệnh đạo ôn lá. Rầy non nở rộ từ 15 - 25/3 khả năng gây hại lúa nặng cục bộ lúa chân 2 vụ giai đoạn đòng trở - ngâm sữa và chân 3 vụ giai đoạn chắc xanh - chín sáp ở các xã, phường, tập trung khu vực phía Đông tỉnh; bệnh khô vằn, lem lép hạt... gây hại cục bộ các trà lúa từ đòng trở - chắc xanh.

- Trên cây trồng cạn:

+ Cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy tiếp tục gây hại trên họ hoa thập tự; bệnh thán thư, lở cổ rễ (trên cây ớt), héo xanh vi khuẩn (trên cà chua) gây hại trên họ cà; bệnh sương mai, bệnh phấn trắng, bệnh lở cổ rễ trên cây con phát sinh gây hại trên họ bầu bí.

+ Cây lạc: Bệnh đốm lá, bệnh gỉ sắt, sâu ăn lá gây hại cục bộ giai đoạn đâm tia - tạo hạt.

+ Cây ngô: Sâu đục thân, đục bắp, bệnh khô vằn, đốm lá... gây hại cục bộ giai đoạn phun râu - bắp non.

+ Cây khoai lang: Bọ hà (khoai lang vụ 2), bệnh héo vàng, héo rũ tiếp tục gây hại thời gian đến.

- Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp sáp vảy, mọt đục cành, sâu đục thân, bệnh khô cành tiếp tục phát sinh gây hại giai đoạn đậu trái non trong điều kiện nắng nóng.

- Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng, rệp sáp, bệnh vàng lá chết chậm tiếp tục gây hại giai đoạn vào chắc.

- Trên cây điều: Bọ xít muỗi, bệnh thán, sâu đục thân... gây hại cục bộ trên điều giai

đoạn ra hoa ở các xã: Kông Chro, Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Ya Ma...

- Trên cây ăn quả: Rệp sáp, bọ trĩ, bệnh cháy lá chết ngọn gây hại sầu riêng; bệnh virus hại lá, quả, bệnh đốm nâu gây hại quả trên chanh dây; rệp sáp, rầy bông xoài phát sinh gây hại cục bộ xoài giai đoạn ra hoa - trái non.

## **2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng trừ các loại sâu, bệnh hại cây trồng trên địa bàn tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, bố trí công chức bám sát đồng ruộng, tăng cường công tác điều tra, phát hiện dự tính, dự báo; tổ chức đoàn thể tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống sinh vật hại trên một số loại cây trồng như sau:

### **2.1. Trên cây lúa**

- Khuyến cáo người dân áp dụng chương trình IPM, ICM ngay từ đầu vụ. Chỉ phun thuốc khi mật độ sâu, tỷ lệ bệnh vượt quá ngưỡng gây hại.

- Đối với bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông:

+ Biện pháp phòng: Sử dụng một trong các loại thuốc sau để phun: Beam 75WP (hoạt chất Tricyclazole), liều lượng 25 gam thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào (500 m<sup>2</sup>); thuốc Katana 20SC (hoạt chất fenoxanil), liều lượng 24 ml thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào.

+ Biện pháp trừ: Dùng một trong các loại thuốc sau để phun: Fuji-One 40EC (hoạt chất Isoprothiolane), liều lượng 100 ml pha 24 lít nước phun cho 1 sào; Fuji-One 40WP (hoạt chất Isoprothiolane), liều lượng 50 gam thuốc pha 24 lít nước phun cho 1 sào; Ninja 35EC (Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l), liều lượng 50 ml pha 24 lít nước phun 1 sào.

\* Lưu ý: Đối với những ruộng đã bị bệnh đạo ôn lá, để phòng trừ bệnh đạo ôn cổ bông, nên phun thuốc 2 lần: lần 1 khi lúa trở lác đặc và phun lại lần 2 khi lúa trở đều.

- Đối với rầy nâu, rầy lưng trắng:

+ Khi phát hiện rầy có mật độ từ 1.000 - 5.000 con/m<sup>2</sup> thì dùng một trong các loại thuốc trừ rầy sau để phun: Thuốc Chess 50 WG (hoạt chất Pymetrozine), liều lượng 3 gói (7,5 gam/gói) thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào (500 m<sup>2</sup>); Thuốc Acnipyram 50WP (hoạt chất Nytenpiram), liều lượng 21 gam thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào.

+ Đối với ruộng có mật độ rầy cao trên 5.000 con/m<sup>2</sup>, sử dụng 100 ml Bassa 50 EC (hoạt chất Fenobucarb) hỗn hợp với 20 gam Titan 650WG (hoạt chất Nytenpiram + Pymetrozine) pha 32 lít nước phun cho 1 sào hoặc thuốc Acnipyram 50WP liều lượng 28 gam thuốc pha 32 lít nước phun 1 sào.

\* Lưu ý: Để đảm bảo hiệu quả trừ rầy: Trước khi phun thuốc, nên cho nước vào ruộng từ 5 - 15 cm; phun thuốc phải đảm bảo lượng nước như hướng dẫn, phun kỹ vào phần thân và gốc lúa; phun vào chiều mát hoặc sáng sớm; sau khi phun 3 - 5 ngày, tiến hành kiểm tra ruộng, nếu thấy rầy còn sót lại cao hơn 1.000 con/m<sup>2</sup> (tương đương 2 con/dảnh) thì phun lại lần 2.

### **2.2. Trên cây rau, cây trồng cạn:**

- Tiếp tục ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây

trồng tổng hợp IPHM, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau hữu cơ.

- Sử dụng chế phẩm sinh học: *Bacillus thuringiensis* (Bt) hoặc nấm xanh (*Metarhizium anisopliae*), nấm trắng (*Beauveria bassiana*) để diệt trừ sâu xanh, sâu tơ; trường hợp mật độ sâu xanh >10 con/m<sup>2</sup>, sâu tơ >20 con/m<sup>2</sup> sử dụng hoạt chất: Abamectin, Permethrin, Emamectin benzoate... để phun.

- Đối với bệnh đốm lá, gỉ sắt: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Azoxystrobin, Propiconazole, Fenoxanil... Bệnh thán thư Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Boscalid, Pyraclostrobin, Chlorothalonil... để phun.

\* Lưu ý: Ngưng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch nhằm đảm bảo thời gian cách ly, tồn dư thuốc BVTV ảnh hưởng sức khỏe cho người tiêu dùng.

### 2.3. Trên cây cà phê

- Đối với cà phê kinh doanh: Tưới nước đủ ẩm để cây ra hoa đồng loạt.

- Đối với những diện tích đất chuẩn bị trồng tái canh cần cày sâu, phơi ải đất, thiết kế lô, đào hố, chuẩn bị cây giống khỏe, rõ nguồn gốc để trồng mới.

- Đối với rệp sáp: Sử dụng Nấm tím (*Paecilomyces*), Nấm trắng (*Beauveria*), Nấm xanh (*Metarhizium*) hoặc nhóm Abamectin, Azadirachtin... để phòng trừ. Trường hợp vườn bị hại nhiều sử dụng thuốc chứa hoạt chất hoặc hỗn hợp các hoạt chất như: Pirimicarb (min 95%), Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l, Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l... để phòng trừ.

- Tiến hành phun trừ bệnh gỉ sắt bằng các loại hoạt chất Hexaconazole, Propiconazole, Mancozeb (min 85%)... nhằm tránh lây lan ra diện rộng làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng cũng như ra hoa, đậu quả của cây (không phun thuốc khi hoa nở rộ).

### 2.4. Trên cây điều

Cắt tỉa cành khô, sâu bệnh, cành vô hiệu để cây thông thoáng, tập trung dinh dưỡng, giúp ánh sáng vào tán cây.

Phun thuốc có hoạt chất Permethrin, Cypermethrin, Dimethoate, hoặc sinh học (Nấm xanh/trắng) để phòng trừ bọ xít muỗi; sử dụng hoạt chất Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l để phòng trừ sâu đục thân.

### 2.5. Trên cây hồ tiêu

- Vệ sinh vườn cây bằng cách: Thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật như lá rụng, cành gãy để tránh lây lan nấm bệnh.

- Tưới nước đủ ẩm cho cây, phủ gốc bằng rơm rạ, cỏ khô, xác bã thực vật sạch, dày 5 - 7cm, cách gốc 10 - 15cm để tránh nấm, giảm sốc nhiệt và bốc hơi nước.

- Trong mùa khô, rễ hoạt động chậm, nên cần chọn dạng phân dễ tiêu như NPK, humic hoặc amino acid để cây phục hồi nhanh. Tránh bón phân quá nhiều, liều lượng lớn trong một lần, vì cây có thể sốc, đọt bị cháy hoặc vàng lá.

Chú ý theo dõi và phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu, bệnh như tuyến trùng hại rễ, bệnh vàng lá chết nhanh, chết chậm.

- Đối với tuyến trùng, sử dụng thuốc hóa học có hoạt chất *Clinopitolite* để phòng trừ.
- Đối với bệnh chết nhanh, chết chậm sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l, Bronopol (min 99%) để phòng trừ.

## 2.6. Trên các loại cây ăn quả

Hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học... giúp bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

### - Trên cây chanh dây:

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): Sử dụng treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất Spirotetramat, Abamectin, Azadirachtin... để phòng trừ.

+ Nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, đốm vòng, thối thân, thối quả, bệnh thối góc - phình thân, bệnh thán thư*): Phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện bằng các loại hoạt chất như: Tebuconazole, Mancozeb, Azoxystrobin... khuyến cáo người dân luân phiên thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

### - Trên cây sầu riêng:

+ Sử dụng phân bón lá: phun phân có hàm lượng lân và kali cao như MKP, KNO<sub>3</sub>, hoặc 10-60-10 theo liều khuyến cáo trên bao bì để lá sớm thành thực, giúp quá trình tạo mầm hoa đạt hiệu quả.

+ Rải vôi xung quanh tán cây, tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục kết hợp nấm đối kháng *Trichoderma* đồng thời sử dụng các loại thuốc có chứa hoạt chất Mancozeb, Fosetyl-aluminium, Phosphorous để phòng trừ bệnh thối rễ.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, chỉ đạo./.

#### Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục TT và BVTV (b/c);
- Trung tâm TT và BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Kiều Văn Cang**

**Phụ lục**

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TTBVTV ngày /3/2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)*

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>I</b>	<b>Cây lúa</b>									
1	Chuột	97,5	4,5	0	0	102	-27		42	Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hrug...
2	Bệnh đạo ôn lá	50	2	0	0	52	29,5		34	Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Phù Cát, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Bình Định, An Nhơn, Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...
3	Rầy nâu, rầy lưng trắng	29,5	7	1,5	0	38	38		9	An Nhơn Bắc, An Nhơn Đông, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước, Bình Định, An Nhơn Nam, Tuy Phước Bắc, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, An Lão, An Hòa, Pờ Tó, Ia Tul...
4	Bệnh khô vằn	75	25	0	0	100	100		31	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
										Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh...
<b>II</b>	<b>Cây rau</b>									
1	Sâu xanh	61,5	0	0	0	61,5	5		24	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biên Hồ...
2	Sâu tơ	32,5	0	0	0	32,5	5		15	An Phú, Biên Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh đốm lá	17	0	0	0	17	-19		15	An Bình, An Khê, Cửu An, Đăk Pơ...
4	Bệnh thán thư	43,5	0	0	0	43,5	-2		30	An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
5	Bệnh sương mai	26,5	0	0	0	26,5	-8,5		12	An Phú, Biên Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
<b>III</b>	<b>Cây cà phê</b>									
1	Rệp sáp	347	0	0	0	347	105		101	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
2	Mọt đục cành	341	0	0	0	341	-63		187	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chu Păh...
3	Bệnh gỉ sắt	741	0	0	0	741	27		412	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Doa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...
4	Bệnh khô cành	529	25	0	0	554	-107		300	Ia Hrun, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chu Păh, Ia Phí, Ia Ly...
<b>IV</b>	<b>Cây hồ tiêu</b>									

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
1	Tuyến trùng	393	32,5	0	0	425,5	6,5		292	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Bông, Đak Đoa, Hra...
2	Bệnh chết chậm	320	26,5	0	0	346,5	-8,5		232	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	83	0	0	0	83	-16,5		26	Kon Gang, Ia Bông, Mang Yang, Lơ Pang...
<b>V</b>	<b>Cây điều</b>									
1	Sâu đục thân, cành	461	83	0	0	544	8,5		354	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	171	15,5	0	0	186,5	0		59	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	365	0	0	0	365	-1		260	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái...
<b>VI</b>	<b>Cây sầu riêng</b>									
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	165	0	0	0	165	-5		150	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	67	12	0	0	79	0		70	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
<b>VII</b>	<b>Cây chanh dây</b>									
1	Bệnh virus hại lá, quả	50	0	0	0	50	0		42	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Bông, Bà Cạn...
2	Bệnh đốm nâu	52	0	0	0	52	-3		42	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Bông, Bà Cạn...